TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 10 - 6 - 2024.
V/v ly hôn giữa chị T và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thanh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Phụng.

Bà Đặng Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 10 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân thành phố V tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 51/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2024/QĐST-DS ngày 24/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số nhà 120, ấp B, xã Q, huyện H, tỉnh Vĩnh Long, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Mai Anh T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 01, đường L, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22 tháng 01 năm 2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Chị và anh T sau thời gian tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 3 năm 2020, Chị cùng anh T chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc.

Vì mâu thuẫn nêu trên, nên chị T yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh T. Chị và anh T chung sống với nhau có 01 người con chung tên Mai Nguyễn Tuyết V, sinh ngày 08/10/2020. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Tài sản chung; nợ chung: Đương sự khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Mai Anh T trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng, nhưng anh không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương chị T. Về con chung, nếu Tòa án chấp nhận cho ly hôn thì con chung giải quyết theo quy định của pháp luật. Tài sản chung; nợ chung: Anh T khai không có, nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Mai Anh T kết hôn năm 2020, có đăng ký kết hôn đúng trình tự quy định của pháp luật. Sống chung với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nên chị T có đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh T, anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố V.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng. Đồng thời, chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo chứng cứ do chị T cung cấp có trong hồ sơ vụ án, thể hiện chị T và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 3 năm 2020. Thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn và không tự giải quyết được, cuộc sống không hạnh phúc, qua hòa giải tại Tòa án không thành, chị T vẫn cương quyết xin ly hôn, mâu thuẫn đã thật sự trầm trọng, nên xét thấy việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh T chung sống với nhau có 01 người con chung tên Mai Nguyễn Tuyết V, sinh ngày 08/10/2020. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Xét thấy, hiện nay cháu V còn nhỏ, cần được sự chăm sóc của người mẹ và anh T cũng không có yêu cầu được nuôi con, nên xét yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung là có cơ sở chấp nhận, đúng với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Do các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình phải chịu tiền án phí, nên chị T phải nộp án phí số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thanh T ly hôn anh Mai Anh T.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu Mai Nguyễn Tuyết V, sinh ngày 08/10/2020 cho chị Nguyễn Thị Thanh T nuôi dưỡng.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung đối với anh T, nhưng nếu anh T lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh T.

3. Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Thanh T nộp 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng*) chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, theo biên lai thu tiền số 0006583 ngày 01/02/2024, chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Hồ Thanh Hồng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.